

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: **507** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày **M** tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2018
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về Giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị Quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 119/TTr-STNMT ngày 28 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KTKH (Va).

04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng

KẾ HOẠCH

Định giá đất cụ thể năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 50/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2018 đối với các dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; Dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê; Dự án quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- a) Xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ:
 - Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013;
 - Xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê;
 - Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng.
- b) Chủ động trong việc tổ chức thực hiện, bảo đảm kịp thời, đáp ứng tiến độ của các dự án và làm cơ sở để bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho việc tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể.

2. Yêu cầu

Việc xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phải được thực hiện khách quan, công bằng, kịp thời, công khai và đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm nguyên tắc và phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật Đất đai năm 2013. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn định giá đất phải có đủ năng lực, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Số dự án cần định giá đất cụ thể trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh là 173 dự án (bao gồm: Dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian

toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Bổ trí từ nguồn kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất);

- Kinh phí để thực hiện xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê; các trường hợp quy định tại Điều 172 và Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng, được bổ trí từ ngân sách Nhà nước (theo quy định tại Khoản 4, Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về Giá đất).

c) Ước tính kinh phí trung bình xác định giá đất cụ thể đối với các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

- Đối với Đất ở: Khoảng 28.070.000 đồng/dự án (Hai mươi tám triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng trên một dự án).

- Đối với Đất phi nông nghiệp: Khoảng 31.533.000 đồng/dự án (Ba mươi một triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng trên một dự án).

- Đối với Đất nông nghiệp: khoảng 24.608.000 đồng/dự án (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn đồng trên một dự án).

Tổng kinh phí định giá đất cụ thể của 131 dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (ước tính theo đất nông nghiệp) là: 131 dự án x 24.608.000 đồng/dự án = 3.223.648.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

6. Kế hoạch và kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể các dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

a) Kế hoạch và kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể (ước tính kinh phí theo đất nông nghiệp):

- Quý I: 221.472.000 đồng/9 dự án.
- Quý II: 959.712.000 đồng/39 dự án.
- Quý III: 1.131.968.000 đồng/46 dự án.
- Quý IV: 910.496.000 đồng/37 dự án.

b) Thời gian định giá đất cụ thể của các dự án: Được thực hiện sau khi ban hành Thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền.

7. Kế hoạch và kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có

thuê và dự án quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) trên 10 tỷ đồng).

Việc xác định giá đất cụ thể thực hiện theo các phương pháp: So sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư để xác định giá đất chi tiết đến từng thửa đất. Đối với các dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau thì giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

2. Dự kiến các dự án phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể là 173 dự án. Trong đó:

- Dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là 131 dự án.

- Dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và dự án quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (*tính theo giá đất trong Bảng giá đất*) trên 10 tỷ đồng khoảng 42 dự án.

3. Tiến độ thời gian định giá đất cụ thể các dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

- Quý I: Gồm 9 dự án/8 huyện, thị xã.

- Quý II: Gồm 39 dự án/8 huyện, thị xã.

- Quý III: Gồm 46 dự án/8 huyện, thị xã.

- Quý IV: Gồm 37 dự án/8 huyện, thị xã.

(*Có biểu chi tiết các dự án kèm theo*)

Đối với những dự án, công trình UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa đã đăng ký thực hiện năm 2017 tại Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông mà chưa thực hiện, UBND tỉnh cho phép UBND các huyện và thị xã tiếp tục thực hiện trong năm 2018.

4. Tiến độ thời gian định giá đất cụ thể các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và dự án quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (*tính theo giá đất trong Bảng giá đất*) trên 10 tỷ đồng (bao gồm: Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV): 42 dự án/8 huyện, thị xã.

5. Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể

a) Thực hiện theo Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự

thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và dự án quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng.

a) Kế hoạch và kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể (bao gồm: Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV): 42 dự án/8 huyện, thị xã.

b) Thời gian định giá đất cụ thể của các dự án: Được thực hiện sau khi có Quyết định phê duyệt hoặc Văn bản chấp thuận hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư hoặc Quyết định giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức thực hiện thẩm tra việc xác định giá đất cụ thể đối với các dự án theo Kế hoạch này;

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả việc xác định giá đất cụ thể và phương án giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất;

c) Trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định hồ sơ, phương án giá đất cụ thể; hoàn thiện phương án giá đất trình UBND tỉnh quyết định.

d) Tổng hợp bổ sung vào Kế hoạch các công trình, dự án cấp bách khi được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận, trình UBND tỉnh quyết định.

đ) Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể hoặc lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất theo quy định.

e) Lưu trữ toàn bộ kết quả định giá đất cụ thể tại Sở; thống kê, tổng hợp và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả định giá đất cụ thể năm 2018 tại địa phương trước ngày 15/01/2019.

2. Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh

- Sở Tài chính là cơ quan Thường trực có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ phương án giá đất cụ thể; tổ chức họp Hội đồng để thẩm định phương án giá đất, ban hành Văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất;

- Thẩm định dự toán định giá đất cụ thể theo khối lượng thực tế của từng dự án để làm căn cứ thanh toán cho tư vấn định giá đất (đối với các dự án do UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê; dự án quy định tại các điểm a, b, c và d, Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng;

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã và đơn vị có liên quan về sử dụng kinh phí theo nguồn phân cấp hoặc từ nguồn kinh phí dự án; tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí định giá đất cụ thể theo Kế hoạch.

3. UBND các huyện, thị xã

a) Chuẩn bị các hồ sơ thửa đất cần định giá, hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án; thông báo thu hồi đất; sơ đồ khu đất cần định giá (khu đất thực hiện dự án; xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá; các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng của thửa đất cần định giá).

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, đơn vị tư vấn định giá đất thực hiện định giá đất cụ thể đối với các dự án trên địa bàn theo quy định của Luật Đất đai.

c) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định dự toán định giá đất cụ thể theo khối lượng thực tế của từng dự án để làm căn cứ thanh toán cho tư vấn định giá đất (đối với các dự án do UBND các huyện, thị xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư).

4. Tổ chức thực hiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể hoặc lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất theo quy định.

5. Chủ đầu tư thực hiện dự án

a) Chuẩn bị và đảm bảo kinh phí để tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể.

b) Chuẩn bị các hồ sơ thửa đất cần định giá, hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án; thông báo thu hồi đất; sơ đồ khu đất cần định giá (khu đất thực hiện dự án); xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá; các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng của thửa đất cần định giá.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa, đơn vị tư vấn định giá đất phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được hướng dẫn giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số: 507 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
A	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ I					
I	Thị xã Gia Nghĩa					
1	Đường từ Lý Thái Tô đến khu tái định cư B (giai đoạn 1, Đồi Đăk Nur) Chợ Gia Nghĩa (11500 m ² đất)	P. Nghĩa Đức	1,000	12.000.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	TMDV và 3500m ² đất ở đô thị) (đổi tên thành dự án đầu tư xây dựng chợ Gia Nghĩa)	P. Nghĩa Thành	1,500	2.550.000.000	Vốn Doanh nghiệp	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Trường THCS Phạm Hồng Thái	Xã Đăk Nia	1,500	1.800.000.000	Ngân sách thị xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Cổng trường rào, sân bê tông và các công trình phụ trợ Trường tiểu học Trần Quốc Toản	Phường Nghĩa Trung	0,800	1.000.000.000	Ngân sách thị xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
II	Huyện Đăk Mil					
1	Nâng cấp các trục đường giao thông chính TT Đăk Mil	TT Đăk Mil	2,000	2.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Hoa viên và khu dân cư mới TDP 13	TT Đăk Mil	1,000	2.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
III	Huyện Krông Nô					
1	Chính trang khu dân cư đô thị	Thị trấn Đăk Mâm	3,000	3.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
IV	Huyện Cư Jút					
1	Điện năng lượng mặt trời Miền trung	TT Ea Tling	62,000	70.000.000.000	Chủ đầu tư	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
V	Huyện Đăk R'láp					
1	Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đăk Nông	Các xã trên địa bàn huyện	135,000	110.000.000.000	Vốn tập đoàn than và khoáng sản	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
B	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUY II					
I	Thị xã Gia Nghĩa					
1	Dự án Trạm biến áp 110kv Gia Nghĩa và nhân rẽ; đường dây điện trung và hạ áp; đường trung áp trạm biến thế	Thị xã Gia Nghĩa	5,000	10.000.000.000	Vốn ngành điện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Hội trường các tổ dân phố	Các phường, xã	0,400	800.000.000	Ngân sách thị xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 vào khu du lịch sinh thái, kết hợp công viên vui chơi giải trí Liêng Nung	Xã Đắk Nĩa	2,000	400.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Xây dựng trụ sở làm việc của Sở Ngoại vụ	P. Nghĩa Trung	0,480	460.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Trường mầm non Hoa Bưởi (mở rộng)	P. Nghĩa Thành	0,350	2.300.000.000	Ngân sách thị xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
6	Mở rộng trường THCS Lê Hồng Phong	P. Nghĩa Thành	0,600	4.100.000.000	Ngân sách thị xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
7	Tiêu dự án giảm cường độ phát tải trong cung cấp năng lượng tỉnh Đắk Nông (điện tích chiếm đất vĩnh viễn)	Thị xã Gia Nghĩa	0,014	10.000.000.000	Vốn ngành điện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
8	Taluy bảo vệ đường Võ Văn Kiệt (hành lang an toàn công trình đường Võ Văn Kiệt)	P. Nghĩa Trung	0,060	100.000.000	Ngân sách thị xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
9	Đầu tư sản xuất và chế biến nông nghiệp tập trung	Xã Đắk Nĩa	10,000	12.000.000.000	Vốn kêu gọi đầu tư	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
10	Trường THCS Phạm Hồng Thái	Xã Đắk Nĩa	1,500	1.800.000.000	Ngân sách thị xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
11	Hạ tầng xã hội (điểm trường THCS, tiểu học, mầm non, điểm y tế, sinh hoạt cộng đồng thôn) thuộc dự án ổn định dân di cư tự do	Xã Quảng Thành	5,000	5.000.000.000	Ngân sách thị xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
12	Khu dân cư đường Quang Trung tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	5,000	9.000.000.000	Ngân sách thị xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
II	Huyện Đắk Mil					
1	Hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng	Xã Thuận An	1,000	1.000.000.000	Vốn ADB	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Quảng trường huyện	TT Đắk Mil	1,000	5.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Đường DH 11 Quốc lộ 14 đi Krông Nô	Xã Đắk Gản	2,000	2.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Đường DH 14 Quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 2	Xã Đức Mạnh	1,000	1.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Bãi rác tập trung xã Đắk N'Drot	Xã Đắk N'Drot	2,000	1.000.000.000	Ngân sách huyện hỗ trợ và nhân dân đóng góp	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
6	Nghĩa trang xã Đắk N'Drot	Xã Đắk N'Drot	2,000	1.000.000.000	Ngân sách huyện hỗ trợ và nhân dân đóng góp	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
III	Huyện Krông Nô					
1	Đường giao thông nội thị (Đường N5, N6)	TT Đắk Mâm	1,500	3.800.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Trạm biến áp 110 Kv và rẽ nhánh	Toàn huyện	1,200	1.000.000.000	Vốn ngành điện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Chi cục thuế huyện	TT Đắk Mâm	0,300	335.000.000	Vốn ngân sách	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Mở rộng trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	TT Đắk Mâm	0,200	350.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
IV	Huyện Cư Jút					
1	Trường PTTH xã Đắk Wil	Xã Đắk Wil	0,050	100.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Khu dân cư tổ dân phố 3	TT Ea Tling	11,490	15.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Đất thể thao trong khu dân cư tổ dân phố 3	TT Ea Tling	2,000	3.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Khu sản xuất, chế biến nông sản tập trung tại xã Nam Dong	Xã Nam Dong	34,500	2.200.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
V	Huyện Đắk Song					
1	Xây dựng trụ sở phòng Văn hóa Thông tin	TT. Đức An	0,300	650.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Nâng cấp hồ suối đá	Xã Đắk N'Drưng	2,000	1.600.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Nâng cấp hồ thôn 7	Xã Đắk N'Drưng	1,500	1.200.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Xây dựng nương Thủy lợi Đắk Sơn 1 đi bon Ja Ry	Xã Đắk Mol	1,100	1.100.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Xây dựng chợ biên giới xã Thuận Hạnh	Xã Thuận Hạnh	0,500	500.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
VI	Huyện Đắk R'Lấp					
1	Dự án bãi xử lý chất thải rắn	Xã Quảng Tín	16,000	13.000.000.000	Vốn doanh nghiệp kêu gọi đầu tư	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Bến xe	Xã Kiến Thành	2,700	2.700.000.000	Vốn kêu gọi đầu tư	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Dự án Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	TT Kiến Đức, xã Kiến Thành, xã Nghĩa Thắng	32,000	10.000.000.000	Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Trạm biến áp 110 KV Đắk R'Lấp 2	Xã Kiến Thành và xã Đắk Wer	0,639	4.000.000.000	Vốn vay thương mại và vốn đối ứng nguồn KHC B EVNCP C	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Nâng cấp hồ Sa Đa Cỏ	Xã Quảng Tín	1,644	822.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
VII	Huyện Tuy Đức					
1	Hội trường nhà văn hóa thôn 9	Đắk Búk So	0,120	240.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Đường vào xã Đắk Ngo	Quảng Tâm - Đắk Ngo	10,000	7.000.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Quy hoạch cấp đất sản xuất bổ sung cho các hộ dân thuộc dự án 1541	Xã Đắk Ngo	30,000	531.300.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
4	Dự án Quy hoạch ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục (mở rộng) - giai đoạn 2	Xã Quảng Trục	20,000	14.000.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
VIII Huyện Đắk Glong						
1	Nhà Văn hóa cộng đồng thôn 04	Xã Quảng Khê	0,150	45.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Đường vào bệnh viện đa khoa huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	2,000	1.800.000.000	Ngân sách tỉnh + Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Công trình thủy lợi suối đá	Xã Quảng Hòa	5,200	9.981.427.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Mở rộng trường Chu Văn An	Xã Đắk Ha	0,200	400.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	QH phân hiệu trường Trần Quốc Toản	Xã Đắk Ha	0,200	800.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
6	Chợ Đắk Ha	Xã Đắk Ha	0,200	500.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
7	Mở rộng trường mẫu giáo Hoa Hồng	Xã Quảng Khê	0,150	500.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
A CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ III						
I Thị xã Gia Nghĩa						
1	Dự án kết nối các trục đường đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Tân Phường Nghĩa Phú	55,000	72.144.000.000	Ngân sách Trung ương + Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hơn nhân khác	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Hồ Gia Nghĩa (Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa giai đoạn 2)	Thị xã Gia Nghĩa	62,700	378.000.000.000	Trái phiếu Chính phủ	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Đoạn đường tiếp giáp trụ sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc	Phường Nghĩa Đức	0,400	1.100.000.000	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Trường Cao đẳng cộng đồng (Quy mô mở rộng quy hoạch)	Phường Nghĩa Trung	5,000	15.700.000.000	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Khu liên hợp Bảo tàng, Thư viện và Công viên dành cho người già và trẻ	Phường Nghĩa Đức	1,400	12.500.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Chi chú
6	Đoạn đường tiếp nối đến tương đài Nơ Trang Long	Phường Nghĩa Đức	0,470	3.200.000.000	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
7	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Chế Biên	Xã Đắk Nĩa	5,000	1.500.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
8	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Nam Dạ	Xã Đắk Nĩa	5,000	1.500.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
II Huyện Đắk Mil						
1	Hồ Núi lửa	Xã Thuận An	4,000	10.000.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Hồ Đắk RLà	Xã Đắk N'Drot	0,603	301.500.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Hồ nông trường Thuận An	Xã Thuận An	2,500	1.000.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Hồ Đắk Loou (Đắk Klou)	Xã Đắk Lao	1,200	600.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Hồ Đập ông Truyền	Xã Đức Minh	2,000	800.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
6	Hồ Đập ông Hiền	Xã Đức Minh	2,000	800.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
7	Hồ Đắk Ken	Xã Đắk Lao	0,479	239.400.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
8	Hồ thủy lợi Đắk Klo Ou	Xã Đắk Lao	16,500	20.000.000.000	Ngân sách TW	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
III Huyện Cư Jút						
1	Đường thôn 3 di thôn 12	Xã Nam Dong	1,200	1.500.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Mở rộng đường giao thông vào UBND xã Nam Dong	Xã Nam Dong	0,300	500.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Mở rộng bãi rác huyện Cư Jút	Xã Cư Knia	10,000	10.000.000.000	Xã hội hóa	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Mở rộng UBND xã Trúc Sơn	Xã Trúc Sơn	0,300	500.000.000	Ngân sách xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
IV	Huyện Krông Nô					
1	Công thoát nước từ Quốc lộ 28 xuống đường N5 cánh đồng La Trao	TT Đăk Mâm	0,120	300.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Hội trường thôn	Xã Nam Nung	0,400	0	Nông thôn mới	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn	Xã Nam Xuân	1,500	600.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Sân vận động xã	Xã Nam Xuân	1,100	450.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Mở rộng trường mầm non Vàng Anh	Xã Nam Xuân	0,060	280.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
6	Trung tâm xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	2,600	2.200.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
V	Huyện Đăk R'láp					
1	Dự án xây dựng nhà máy Modunle điện mặt trời Đăk Nông - tỉnh Đăk Nông	Xã Đăk Ru	15,000	12.000.000.000	Vốn doanh nghiệp kêu gọi đầu tư	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Dự án đường nội thị thị trấn Kiến Đức	Huyện Đăk R'láp	2,000	2.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Các dự án tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư các dự án phát sinh	Trên địa bàn huyện	10,000	10.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Dự án khu dân cư trong thị trấn Kiến Đức	Thị trấn Kiến Đức	2,000	2.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Dự án đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành, Nhân Cơ, Nhân Đạo	Xã Kiến Thành, Nhân Cơ, Nhân Đạo	1,500	2.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
6	Dự án khu công nghiệp Nhân Cơ giai đoạn 2	Xã Nhân Cơ	50,000	50.000.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
7	Trường Liên thông cấp I, II, III	Thị trấn Kiến Đức, xã Kiến Thành	7,000	7.000.000.000	Vốn kêu gọi đầu tư	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
8	Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	Thị trấn Kiến Đức, xã Kiến Thành	10,000	10.000.000.000	Vốn kêu gọi đầu tư	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
VI Huyện Đắk Song						
1	Đường giao thông khu dân cư tổ 6	TT Đức An	0,500	300.000.000	Dân tự hiến	Điểm đ, khoản 4, điều 114,
2	Đường giao thông từ tỉnh lộ 2 đến thôn Đắk Sơn 1	Xã Đắk Mol	0,500	300.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Đường giao thông từ ngã ba thôn Đắk Kual 5 (khu sinh tre) đến Đốc Voi	Xã Đắk N'Drung	0,500	300.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Đường giao thông thôn 2 xã Nam Bình	xã Nam Bình	1,000	600.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Đường giao thông thôn Đắk Lư đi thôn Bùng Bình	Xã Nam N'jang	1,000	600.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
VII Huyện Tuy Đức						
1	Mở rộng đường tỉnh lộ 681	Xã Quảng Trục	6,300	6.000.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Cụm Trung tâm UBND xã Quảng Trục	Xã Quảng Trục	4,800	8.455.093.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Dựa án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục - giai đoạn 2	Xã Quảng Trục	458,410	31.000.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
VIII Huyện Đắk Glong						
1	Phân hiệu trường Nguyễn Trãi	Xã Đắk Ha	1,200	1.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Xã Quảng Khê	11,700	11.000.000.000	Vốn doanh nghiệp kêu gọi đầu tư	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Nâng cấp mở rộng quốc lộ 28 đoạn đường qua thị trấn Quảng Khê	Xã Quảng Khê	7,000	28.777.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Các trục đường khu trung tâm hành chính	Xã Quảng Khê	28,000	18.000.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Tài định cư xen ghép	Xã Đắk Sơn	5,000	1.500.000.000	Vốn ngành điện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
6	Tài định cư	Xã Đắk Plao	300,000	90.000.000.000	Vốn ngành điện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
7	Trụ sở công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Chi nhánh Đắk	Xã Quảng Khê	0,030	300.000.000	Nguồn vốn WB	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
8	Hồ chứa nước Đắc N'Ting	Xã Quảng Sơn	114,800	64.884.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
B	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ IV					
I	Thị xã Gia Nghĩa					
1	Tuyến nhánh Kết nối đường tránh đô thị Gia Nghĩa (thuộc dự án đường Bắc Nam giai đoạn 2 từ Km 1+900 đến Km 4+300)	P. Nghĩa Trung	12,000	70.000.000.000	Vốn từ đường tránh đô thị Gia Nghĩa chuyên sang	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Đường Tô Hiến Thành (nối trung tâm thị xã Gia Nghĩa đến đường Quang Trung)	P. Nghĩa Tân	1,000	7.300.000.000	Ngân sách tỉnh và ngân sách thị xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Đường bờ Tây hồ trung tâm	P. Nghĩa Thành	17,000	45.300.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Đường bờ Đông hồ trung tâm	P. Nghĩa Đức	34,000	43.000.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Đường dẫn và cầu kết nối giữa sân vận động tỉnh và đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa	P. Nghĩa Tân và P.Nghĩa Trung	0,700	1.500.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
6	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắc Nông (Dự án Hồ thủy lợi)	Phường Nghĩa Phú	0,180	77.400.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
7	Nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch	Xã Đắc Nĩa	4,000	0	Vốn đối ứng trong nước	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
II	Huyện Đắc Song					
1	Đường giao thông từ thôn 2 đến thôn 3 xã Thuận Hà	Xã Thuận Hà	1,000	600.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Đường vành đai phía Tây nam thị trấn Đức An	TT Đức An	2,400	1.400.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Nâng cấp hồ thôn 5	Xã Đắc N'Drung	4,000	5.000.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khải toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đến cửa khẩu Bu Prăng (Đoạn từ Km3-Km17 của Tỉnh lộ 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắk Huyết)	Xã Nam N'Jang; xã Đắk Rung	43,000	300.000.000	Vốn đối ứng trong nước	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Hồ Đắk RLon	TT Đức An	0,536	268.200.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
III Huyện Krông Nô						
1	Đường vào xã Buôn Choah	Xã Đắk D'ro-Buôn Choah	9,100	5.600.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Đường nội TT Đắk Mâm (đoạn Nam Đà)	TT Đắk Mâm-Nam Đà	2,400	3.200.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Hồ chứa nước Nam Xuân	Xã Nam Xuân, Đắk Sốt, TT Đắk Mâm	90,000	45.000.000.000	Trái phiếu chính phủ	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Hoa viên trung tâm Krông Nô	TT Đắk Mâm	0,300	450.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Hội trường thôn	Xã Quảng Phú	0,400	300.000.000	WB	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
6	Đường nội đồng thôn Phú Xuân	Xã Quảng Phú	0,100	200.000.000	Nông thôn mới	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
7	Đường liên xã thôn Phú Lợi-Thôn Phú Hòa	Xã Quảng Phú	0,400	500.000.000	WB	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
8	Chợ xã	Xã Nam Xuân	0,5	200.000.000	Ngân sách huyện	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
9	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Dự án Trạm bơm Đắk Rên; Trạm bơm buôn choah 1,2,3,4,5; Hồ Buôn R'Çập)	Xã Nam Dir; xã Buôn Choah; xã Nam Nung	9,720	4.180.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
IV Huyện Cư Jút						
1	Mở rộng đường giao thông các thôn xã Trúc Sơn	Xã Trúc Sơn	0,840	1.000.000.000	Ngân sách xã	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
2	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn, Cư Knia, Đắk D'Rông, Nam Dong	xã Trúc Sơn, Cư Knia, Đắk D'Rông, Nam Dong	34,000	90.000.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Pô	10,000	20.000.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Mở rộng đường giao thông QL 14 (Đầu cầu 14 đến giáp ranh thị trấn Ea Tling)	Xã Tâm Thắng	3,000	27.000.000.000	Vốn BOT	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
V	Huyện Đắk Glong					
1	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Dự án Hồ Trảng Ba; hồ Trường học; hồ Chum Ia; Hồ Đắk Hlang; Hồ Dạ Hang Lang)	Xã Đắk Ha; xã Quảng Khê; xã Đắk Som	1,250	540.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Hồ Bi Zê Rê	Xã Đắk Som	0,780	390.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Hồ Nao Ma A	Xã Quảng Khê	0,541	270.300.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
4	Hồ Km 41	Xã Quảng Sơn	0,473	236.400.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	Hồ Ba Trong	Xã Quảng Sơn	0,822	411.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
6	Hồ thôn 3	Xã Quảng Khê	0,659	329.400.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
7	Hồ Đắk Ha	Xã Đắk Ha	0,603	301.500.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
8	Hồ Đắk Snao 1	Xã Quảng Sơn	0,556	278.100.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
9	Nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch	Xã Đắk Som	1,500	0	Vốn đối ứng trong nước	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai





STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
VI	Huyện Tuy Đức					
1	Dự án ổn định dân cư xã Quảng Trục và xã Đắk Ngo	Xã Quảng Trục, xã Đắk Ngo	42,000	21.000.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
2	Hồ Đắk Biêng	Xã Đắk R'Tiêh	0,475	237.600.000	Ngân sách tỉnh	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đến cửa khẩu Bu Prăng (Đoạn từ Km3-Km17 của Tỉnh lộ 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắk Huyết)	Xã Đắk Búk So; xã Quảng Trục	101,500	100.000.000	Vốn đối ứng trong nước	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai

* Ghi chú: Diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần xác định giá đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa.